TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 06-3-2023
V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Xuân

Bà Trương Thị Khung

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Đạt –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Tiến -Kiểm sát viên

Trong các ngày 27 tháng 02 và ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, về việc: "Tranh chấp về chia thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1960; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số *, ngõ *, đường Phai V, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Phố T, khu Đô thị M, xã Mai P, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trung V, sinh năm 1964, địa chỉ: Số nhà *, phố Đ, khu Đô thị P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2022). Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Vũ Thị Hồng M, sinh năm 1952. Có mặt.

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1952. Có mặt.

- Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1944. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Hồng M, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2022). Có mặt.

3.2. Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 23, ngõ 59, đường Đèo Giang, khối Cửa Bắc, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3.3. Chị Hoàng Thị Mai L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3.4. Anh Hoàng Mạnh T2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3.5. Anh Phạm Trung K, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3.6. Chị Hoàng Thị Quỳnh N1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3.7. Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3.8. Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn H1; Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền số 17/GUQ-UBND ngày 26/9/2022). Vắng mặt.

3.10. Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thu H2iến; Chức vụ: Công chức Địa chính – Xây dựng xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 04/11/2022). Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Hoàng Văn Cương, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt ngày 27/02/2023, vắng mặt ngày 06/3/2023.

- Ông Bùi Văn L, địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt ngày 27/02/2023, vắng mặt ngày 06/3/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bố mẹ đẻ của

ông Vũ Văn Th là cụ Vũ Văn T4, sinh năm 1905, chết năm 1972 và cụ Trần Thị T4, sinh năm 1925, chết năm 2008, hai cụ chết đều không để lại di chúc, không có nghĩa vụ tài sản nào để lại. Cụ T4 và cụ T5 sinh được 05 người con là: Bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị M1, Bà Vũ Thị T1 và ông Vũ Văn Th, không có con nuôi hoặc con riêng.

Về nguồn gốc đất tranh chấp là do cụ Vũ Văn T4 và cụ Trần Thị T4 khai phá từ những năm 1963. Tại thời điểm đó, có tồn tại Nông trường quốc doanh Hữu Lũng đặt tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Khi cụ T4 và cụ T5 đến thôn Na Hoa, xã Hồ Sơn sinh sống và làm công nhân tại Nông trường quốc doanh Hữu Lũng nên được giao một khu đất làm nhà ở và canh tác. Trong quá trình quản lý sử dụng đất, hai cụ đã khai hoang thêm đất xung quanh với tổng diện tích khoảng 4000m^2. Trên diện tích đất này, cụ T4 và cụ T5 có làm căn nhà bằng gỗ 03 gian có diện tích khoảng 50m^2 được xây dựng trước khi cụ T4 chết. Đến năm 1984, căn nhà gỗ hư hỏng, cụ T5 dỡ căn nhà gỗ, tiếp tục xây căn nhà gạch 3 gian tổng diện tích khoảng 70m^2 nhưng năm 2021, bà Vũ Thị Hồng M đã phá bỏ đi để cho vợ chồng chị Hoàng Thị Mai L xây nhà trên nền của căn nhà gạch mà cụ T5 đã xây dựng. Ngoài nhà, bếp, các công trình phụ, cụ T5 còn trồng một số cây lâu năm, hiện nay chỉ còn có 01 cây mít.

Năm 1986, ông Thanh có xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 bằng cay xỉ và một số công trình phụ trên diện tích đất của cụ T5. Năm 1993, ông Thanh cùng vợ, con chuyển công tác lên thị xã Lạng Sơn, sau đó vợ chồng bà Thìn vào ở ngôi nhà ông Thanh đã xây dựng khoảng 03 đến 04 năm. Đến năm 2010, bà Mão đã phá dỡ ngôi nhà do ông Thanh xây dựng và xây ngôi nhà hiện nay bà Mão đang ở, còn bà Thìn thì xây một ngôi nhà khác ngay cạnh đó. Đối với ngôi nhà của ông Thanh, bà Mão đã phá dỡ đi, ông Thanh không có yêu cầu gì.

Sau khi cụ T4 và cụ T5 chết, ông Thanh có đặt vấn đề chia đất để ông canh tác, xây dựng nhà ở và cũng là nơi để thờ cúng bố mẹ vì ông Thanh là con trai duy nhất trong gia đình nhưng bà Vũ Thị Hồng M và vợ chồng bà Vũ Thị T phản đối, không đồng ý chia và cho rằng hai gia đình họ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qúa trình tìm hiểu, ông Thanh được biết: Sau khi cụ T4 và cụ T5 chết thì bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T và ông Hoàng Xuân H (là chồng là Thìn) đã tự ý chia nhau đất của cụ T4, cụ T5 và đi làm thủ tục kê khai. Bà Vũ Thị Hồng M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 2.242m^2, thuộc thửa 63, tờ bản đồ số 53 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp, số sổ DC 399375, số vào sổ cấp GCN: CS-00847, cấp ngày 28/12/2021; ông Hoàng Xuân H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1538m^2, thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 53 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp, số sổ DC 399376, số vào sổ cấp GCN: CS-00848, cấp ngày 28/12/2021.

Diện tích đất trên là tài sản của bố mẹ ông Thanh để lại, chưa được phân chia; cả 05 chị em gồm: Bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị M1, Bà Vũ Thị T1 và ông Thanh đều là những người được hưởng thừa kế tài sản, ông Thanh lại là con trai duy nhất phải lo hương khói cho bố mẹ khi qua đời. Việc bà Vũ Thị Hồng M và vợ chồng bà Vũ Thị T, ông Hoàng Xuân H tự ý đi làm thủ tục cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất của bố mẹ ông Thanh khi chưa có ý kiến của những người con khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất là không đúng với quy định của pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thanh, bà Vũ Thị M1, Bà Vũ Thị T1. Nay ông Thanh yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ là cụ Vũ Văn T4 và cụ Trần Thị T4 để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là: Bà Vũ Thị M1, Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T và ông Vũ Văn Th, chia đều theo kỷ phần, chia bằng hiện vật. Diện tích đất theo đo đạc thực tế là 3772,7 m^2, nhưng đối với phần đất thuộc đường đi là 25,9m^2, thuộc thửa đất số 9A, ông Thanh xin rút yêu cầu chia phần đất này. Diện tích còn lại là 3746,8m^2. Ông Thanh sẽ được hưởng 1/5 diện tích đất và yêu cầu được chia phần đất có cây mít do cụ T5 trồng, ông sẽ trả 4/5 giá trị tài sản cho các hàng thừa kế khác, nếu trên đất có tài sản do người khác trồng thì ông sẽ trả giá trị tài sản cho người đó; về chi phí mai táng phí ông Thanh không có yêu cầu gì và rút yêu cầu chia di sản thừa kế là ngôi nhà gạch 03 gian, 01 trái bằng gạch bê tông do cụ T5 xây dựng năm 1984 và không yêu cầu xác định thửa đất số 23, tờ bản đồ 53 diện tích đất 277m^2 là di sản để giải quyết chia thừa kế.

Về chi phí tố tụng, toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là do ông Vũ Văn Th nộp đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị miễn án phí do ông Thanh là người cao tuổi.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị Hồng M trình bày: Bố mẹ bà có 05 người con như ông Thanh trình bày. Bố mẹ bà đến sinh sống và lập nghiệp tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ năm 1963. Tại thời điểm năm 1963, có tồn tại Nông trường quốc doanh Hữu Lũng đặt tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên bố mẹ bà đã làm công nhân tại Nông trường quốc doanh Hữu Lũng. Tại đây, bố mẹ bà đã được Nông trường Hữu Lũng giao cho một khu đất để làm nhà ở và canh tác, nhưng vẫn thuộc sự quản lý của Nông trường. Khi Nông trường giao cho một khu đất để làm nhà ở và canh tác thì không có văn bản, giấy tờ gì. Trong quá trình quản lý sử dụng đất, do nông trường cũng không quản lý chặt chẽ nên bố mẹ bà có khai phá thêm đất xung quanh nên sau này diện tích đất bố mẹ bà ở và canh tác có tổng diện tích khoảng 4000m^2. Năm 1963, sau khi được Nông trường Hữu Lũng cho ở nhờ thì bố mẹ bà đã xây một cái lán ở bên trên nóc hầm (còn gọi là lán sơ tán). Năm 1972 bố bà là cụ Vũ Văn T4 chết tại cái lán bên trên nóc hầm, khi chết cụ không để lại di chúc gì. Từ năm 1972 đến năm 1974, bà dạy học ở xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Đến năm 1974, mới chuyển về công tác tại huyện Hữu Lũng, sau đó dạy học tại trường Trung học cơ sở xã Hồ Sơn vào năm 1978.

Năm 1974, mẹ bà là cụ T5 có xây dựng 01 căn nhà tranh vách đất có diện tích khoảng 50m^2. Năm 1984, do căn nhà tranh vách đất bị hư hỏng nên cụ T5 đã dỡ bỏ và xây 01 căn nhà ba gian bằng cay xỉ (sau này chỉ có cụ T5, bà và bà Tuất ở). Đến năm 1986, ông Thanh có xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 xây bằng cay xỉ và một số công trình phụ, cạnh căn nhà ba gian xây năm 1984. Năm 1993, ông Thanh cùng vợ, con chuyển lên thị xã Lạng Sơn sinh sống, làm việc. Đối với ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ mà ông Thanh xây dựng năm 1986, trước khi ông Thanh chuyển công tác, mẹ bà đã đứng ra bán nhà và các công trình phụ của ông Thanh

cho vợ chồng bà Thìn, ông Huỳnh, với số tiền là 4.200.000 đồng và đưa cho ông Thanh số tiền này, tuy nhiên bà không được chứng kiến vì khi đó bà đang đi làm, sự việc này chỉ nghe cụ T5 nói lại.

Năm 1998, khi có đoàn đo đạc đến đo đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ T5 đã ra Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với thửa đất số 23, diện tích 277m^2 và thửa đất số 3A, diện tích 2288m^2, thuộc tờ bản đồ số 53 nhưng bà chỉ đi nhận sổ vào năm 1999. Các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đều không được làm.

Năm 2008, cụ T5 chết, không để lại di chúc hay bất cứ tài sản nào có giá trị và cũng không nợ nần ai. Bà là người đứng ra lo liệu, mai táng cho cụ T5 nhưng bà không có yêu cầu gì đối với số tiền mai táng phí. Năm 2010, do căn nhà cấp 4 và các công trình phụ do ông Thanh xây dựng năm 1986 xuống cấp trầm trọng nên bà đã dỡ bỏ và xây căn nhà mới cùng các công trình phụ. Hiện bà đang ở cùng với Bà Vũ Thị T1 do cả hai người đều không lập gia đình, cũng không có con.

Năm 2021, căn nhà ba gian bằng cay xỉ, xây dựng năm 1984 bị hư hỏng xuống cấp nặng, bà đã cho vợ chồng chị Hoàng Thị Mai L phá dỡ đi để xây căn nhà mới trên nền đất ngôi nhà cụ T5 đã xây dựng. Cùng năm 2021, bà làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 399375 mang tên Vũ Thị Hồng M vào ngày 28/12/2021. Nay ông Thanh yêu cầu chia thừa kế, bà không nhất trí, bởi vì khi mẹ bà chết, không để lại bất cứ tài sản nào có giá trị. Diện tích đất bà đang ở là do Nông trường chia bà em gái bà là Bà Vũ Thị T1 vì bà Tuất là công nhân Nông trường. Do bà Tuất không được thông minh nên năm 1999 cụ T5 đã bảo bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay cho Bà Vũ Thị T1. Hơn nữa khi mẹ bà già yếu và khi mẹ chết, ông Thanh cũng không về nhà thăm hỏi, không chịu lo toan ma chay. Mặt khác, ông Thanh đã được mẹ chia cho một diện tích đất và ông Thanh đã bán nhà, đất đó cho vợ chồng bà Thìn nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế nữa. Trường hợp nếu chia thừa kế mà xác định kỷ phần của bà có tài sản của vợ chồng chị Ly thì bà và vợ chồng chị Ly sẽ giải quyết bằng vụ án khác nếu có tranh chấp; bà yêu cầu được chia công sức chăm sóc cụ T5 khi cụ ốm và công quản lý, cải tạo đất từ khi cụ chết cho đến nay; trả giá trị tài sản trên đất và yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ Vũ Văn T4.

Bà nhất trí với phần trình bày của ông Thanh về việc không yêu cầu xác định thửa đất số 23, tờ bản đồ số 53 (bản đồ đo vẽ năm 1996) là di sản thừa kế vì gia đình bà đã không quản lý, sử dụng thửa đất này từ năm 1977, đến nay đã được 45 năm nên thửa đất này không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị T trình bày: Bà nhất trí với phần trình bày của bà Mão. Năm 1971, bà đi bộ đội, đóng quân ở đơn vị L808, tại thôn Phổng, xã Vân Nham. Thời kỳ này chiến tranh vẫn còn rất ác liệt nên rất ít khi về nhà, chỉ khi bố bà chết vào năm 1972 thì bà mới về cùng các chị

em lo hương khói. Năm 1974, Nông trường tiến hành giảm công nhân (giảm làm nhiều đợt) do chiến tranh ác liệt, công nhân không đi làm được và mẹ bà là cụ T5 cũng nằm trong số các công nhân bị giảm. Sau đó, Bà Vũ Thị T1 xin được vào làm công nhân Nông trường. Năm 1976, bà kết hôn với ông Hoàng Xuân H khi cùng ở trong quân ngũ. Cuối năm 1976, thì ra quân và chuyển về sinh sống cùng mẹ và các chị, em tại thôn Na Hoa, xã Hồ Sơn và làm công nhân tại Nông trường ngay gần nhà. Đến đầu năm 1979, bà chuyển sang làm giáo viên đến lúc nghỉ hưu. Đối với những công nhân bị giảm, Nông trường không đòi lại đất mà vẫn để cho họ canh tác, sử dụng nhưng không cấp giấy tờ gì liên quan đến đất đai và đất đai vẫn do Nông trường quản lý. Mẹ bà cũng canh tác ổn định từ năm 1974 đến khoảng năm 1995 thì Nông trường chính thức giải thể để chuẩn bị bàn giao đất lại cho UBND tỉnh Lạng Sơn. Đến năm 1998 thì có chính quyền xã và cán bộ của Bộ Nông trường đến đo đạc đất để phân chia làm sổ đỏ cho những công nhân bị giảm trước đây. Mẹ bà là cụ T5 là người đi kê khai đất, các con không ai đi cùng, nhưng trên giấy tờ đăng ký quyền sử dụng đất thì ghi tên chồng bà là ông Hoàng Xuân H và bà Vũ Thị Mão, chứ không lấy tên Trần Thị T4. Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng năm 1999 cho hai người là chồng bà, ông Hoàng Xuân H và chị gái bà là bà Vũ Thị Mão. Còn Bà Vũ Thị T1 do không được khôn và bị điếc nên mẹ bà mới không kê khai để cấp sổ mà giao cho chị cả là bà Vũ Thị Mão quản lý (trừ phần đất cấp sổ đỏ cho ông Huỳnh). Do vậy, năm 1999, gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 830173 mang tên ông Hoàng Xuân H vào ngày 10/5/1999, đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 53, diện tích 1.897m^2, đất có địa chỉ tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Năm 1984, do căn nhà tranh vách đất bị hư hỏng nên mẹ bà đã dỡ bỏ và xây 01 căn nhà ba gian bằng cay xỉ, cùng năm 1984, ông Vũ Văn Th lập gia đình nhưng vẫn chung sống cùng mẹ và các chị em. Đến năm 1986, ông Thanh đã xây dựng một căn nhà cấp 4 và công trình phụ trên phần đất mà cụ T5 chia cho, nhưng thực tế đây vẫn là đất của Nông trường cho ở nhờ. Đến năm 1987, vợ chồng bà mua nhà, đất và chuyển ra ở riêng cách nhà mẹ gần 01km. Năm 1993, trước khi ông Thanh chuyển công tác lên thị xã Lạng Sơn, thì mẹ bà đã động viên vợ chồng bà bán đất đi, chuyển vào sống cùng mẹ để lấy tiền cho ông Thanh lên Lạng Sơn công tác, vì vậy vợ chồng bà đã đã bán đất, bà trực tiếp đưa số tiền 4.200.000 đồng cho mẹ để mẹ đưa cho ông Thanh. Khi đưa tiền thì chỉ có bà và mẹ bà, không có mặt ai khác và cũng không làm giấy tờ gì. Sau đó, gia đình bà chuyển vào sinh sống tại căn nhà mà ông Thanh xây dựng năm 1986 từ năm 1995 đến năm 2004 thì chuyển sang xây dựng căn nhà mới do ngôi nhà của ông Thanh đã xuống cấp. Năm 2021 do cần tiền để sửa chữa ngôi nhà nên bà đã chuyển nhượng diện tích đất 398,9m^2 cho anh Đỗ Tuấn A, chị Trần Thị Nh và gia đình đã làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Năm 2008, mẹ bà chết, không để lại di chúc hay bất cứ tài sản nào có giá trị và cũng không nợ nần hay có nghĩa vụ gì với ai. Khi mẹ chết, bà Vũ Thị Mão là người đứng ra lo liệu ma chay, cúng giỗ hàng năm và cả khi bốc mộ, xây mộ nên bà không có yêu cầu gì về chi phí mai táng phí và nhất trí với phần trình bày của Mão về việc không yêu cầu xác định thửa đất số 23, tờ bản đồ số 53 (bản đồ đo vẽ

năm 1996) là di sản thừa kế. Nay ông Thanh yêu cầu chia thừa kế bà không nhất trí, vì khi ông Thanh chuyển đi đã được mẹ chia tiền cho (chính là số tiền bà đưa cho mẹ là cụ T5). Như vậy, ông Thanh đã được chia phần bằng tiền nên không có quyền yêu cầu tiếp tục chia thừa kế tài sản. Hơn nữa, diện tích đất mà ông Thanh yêu cầu chia thừa kế là đất mà Nông trường phân chia cho, chứ không phải là diện tích đất bố mẹ để lại. Bà yêu cầu áp dụng thời hiệu và yêu cầu quản lý, sử dụng với phần di sản của cụ Vũ Văn T4.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Xuân H trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị Hồng M. Ông là bộ đội không phải công nhân Nông trường. Trước khi gia đình ông chuyển vào sinh sống tại ngôi nhà ông Thanh xây dựng thì gia đình ông đã có đất và nhà ở nơi khác nhưng mẹ vợ ông là cụ T5 đã động viên vợ chồng ông bán đất và chuyển về sống cùng cụ để lấy tiền cho ông Thanh chuyển lên thị xã Lạng Sơn sinh sống. Việc vợ ông là bà Thìn đưa tiền cho cụ T5, ông không được chứng kiến. Kể cả việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 cũng không phải ông đi kê khai mà do cụ T5 đi kê khai và làm thủ tục cấp giấy. Trước khi cụ T5 đi kê khai không họp gia đình hay có văn bản giấy tờ gì chia đất cho ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Thanh, ông nhất trí với phần trình bày của bà Thìn.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Vũ Thị T1 và người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị Hồng M trình bày: Bà Tuất nhất trí với phần trình bày của bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T về nguồn gốc đất, hàng thừa kế, quá trình sử dụng đất. Năm 1974, bà Tuất làm công nhân ở Đội 2 của Nông trường quốc doanh Hữu Lũng thuộc xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Phần đất bà Mão được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Nông trường phân cho bà Tuất nhưng khi cấp sổ thì mẹ bà là cụ T5 nói do bà Tuất không được khôn ngoan nên để bà Mão đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Thanh, bà không nhất trí, bởi vì ông Thanh đối xử không tốt, thường xuyên nói khó nghe với bà Tuất. Khi mẹ già yếu và khi mẹ chết, ông Thanh cũng không về nhà thăm hỏi mẹ, không chịu lo toan ma chay. Hơn nữa, ông Thanh đã được mẹ chia cho một diện tích đất và ông Thanh đã bán nhà, đất đó cho vợ chồng bà Thìn nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế nữa. Trường hợp nếu chia thừa kế thì bà Tuất yêu cầu được tính công sức chăm sóc cụ T5 và công quản lý cải tạo đất và trả giá trị tài sản trên đất cho bà. Đối với chi phí mai táng phí bà không có yêu cầu gì và nhất trí xác định thửa đất số 23, tờ bản đồ 53 không phải là di sản thừa kế.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Qúa trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1 trình bày: Bố mẹ bà lên sinh sống tại Thôn Na Hoa, xã Hồ Sơn từ năm 1963 và

làm công nhân Nông trường Hữu Lũng. Từ năm 1975, bà đã đi thoát ly, không còn sinh sống lại thôn Na Hoa, xã Hồ Sơn. Khi bố mẹ mất đều không để lại di chúc Về nguồn gốc đất tranh chấp là của Nông trường Hữu Lũng, bố mẹ bà chết không để lại tài sản gì có giá trị. Đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Thanh, bà không đồng ý. Trường hợp nếu chia thừa kế thì bà cũng yêu cầu được chia một kỷ phần thừa kế và nhất trí xác định thửa đất số 23, tờ bản đồ 53 không phải di sản thừa kế.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hoàng Thị Quỳnh N1, anh Hoàng Mạnh T2 trình bày:* Anh chị là con của bà Vũ Thị T và ông Hoàng Xuân H. Từ nhỏ, anh chị sống với gia đình tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1993, bố mẹ anh chị đã bán nhà, bán đất để chuyển về mua lại đất bà ngoại là cụ T5 để sinh sống cho gần bà ngoại, chính là đất và nhà mà ông Vũ Văn Th xây dựng năm 1986 trước khi chuyển lên thị xã Lạng Sơn (nay là thành phố Lạng Sơn) sinh sống. Từ trước đến này mọi việc trong gia đình đều do bố mẹ quyết định, anh chị không tham gia gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Th, anh chị không nhất trí và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hoàng Thị Mai L, anh Phạm Trung K trình bày:* Anh chị là con gái, con rể của ông Hoàng Xuân H và bà Vũ Thị T. Do bà Vũ Thị Hồng M và Bà Vũ Thị T1 tuổi đã cao, lại không có chồng, con, không có người chăm sóc nên đã nhất trí cho anh chị về ở trên đất của bà Mão. Sau đó, vợ chồng anh chị đã xây dựng một ngôi nhà cạnh nhà của bà Mão xây dựng trên nền của ngôi nhà mà cụ T5 đã dựng vào năm 1984, còn ngôi nhà của bà Mão xây dựng trên nền của căn nhà mà ông Vũ Văn Th xây dựng năm 1986. Nay ông Thanh yêu cầu chia thừa kế, anh chị không nhất trí, vì đây là đất của bà Vũ Thị Hồng M, khi vợ chồng anh chị xây nhà đã được sự đồng ý của bà. Trường hợp nếu chia thừa kế và xác định bà Mão được hưởng phần đất có ngôi nhà vợ chồng anh chị đã xây thì chị không có ý kiến gì, nếu có tranh chấp về tài sản trên đất thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đỗ Tuấn A, chị Trần Thị Nh trình bày:* Vợ chồng anh chị là hàng xóm của ông Hoàng Xuân H. Đầu năm 2022, anh chị mua của ông Huỳnh diện tích đất 407m^2, trong đó đất ở tại nông thôn là 171m^2, đất trồng cây lâu năm là 236m^2, thuộc thửa số 64 (tách từ thửa số 62) tờ bản đồ 53, đất tại Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn với giá là 825.000.000 đồng. Khi mua hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 05/01/2022 có mặt đầy đủ các bên. Hợp đồng chuyển nhượng này đã được UBND xã Hồ Sơn chứng thực. Anh chị mua bán với ông Huỳnh là hợp pháp. Ngày 17/01/2022 thì anh chị được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Vợ chồng anh chị không có yêu cầu độc lập, trường hợp nếu tài sản anh chị mua là di sản thừa kế thì anh chị sẽ giải quyết bằng vụ án khác đối với diện tích đất đã mua của ông Hoàng Xuân H.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là ông Hoàng Văn H1 trình bày*: Đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị Hồng M được Ủy ban nhân dân huyện Hữu

Lũng, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N830166 ngày 10/5/1999 với tổng diện tích đất là 2565m^2 (tên Vũ Thị Mão) trong đó gồm thửa số 3A, diện tích 2.288m^2 và thửa đất số 23, diện tích 277m^2 cùng tờ bản đồ 53. Năm 2021 bà Vũ Thị Hồng M cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3A được cấp đổi lấy số thửa mới là thửa số 63 tờ bản đồ 53 có diện tích 2.242,4m^2, số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất DC 399375, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28/12/2021 và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Xuân H được Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 830173 ngày 10/5/1999 với tổng diện tích đất là 1897m^2 trong đó thửa số 03 tờ bản đồ 53 có diện tích 1897m^2 tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2021 ông Hoàng Xuân H cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 03 được cấp đổi lấy số thửa mới là thửa số 62 tờ bản đồ 53 có diện tích 1.538,1m^2, số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất DC 399376, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28/12/2021. Kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng cho thấy: Năm 1996 địa bàn xã Hồ Sơn được đo đạc bản đồ địa chính chính quy, đến năm 1998 thì được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Trong khoảng thời gian từ năm 1995 đến 1998 một số hộ dân trên địa bàn xã Hồ Sơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ giải thửa, đến cuối năm 1998 thì các hộ dân này được cấp đổi đồng loạt Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính chính quy, trong đó có hộ ông Hoàng Xuân H và hộ bà Vũ Thị Hồng M. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Hoàng Xuân H và hộ bà Vũ Thị Hồng M cùng ngày 10/5/1999 đảm bảo trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là bà Phạm Thu H2iến trình bày:* Đối với các phần diện tích đất 6,6m^2 và 19,3m^2 là đất đường thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn nằm trong thửa đất số số 9A, tờ bản đồ số 53 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện gia đình nhà bà Vũ Thị Hồng M đang quản lý sử dụng, đề nghị người sử dụng đất sẽ phải đi kê khai điều chỉnh diện tích đất cấp trùng nêu trên để được cấp đúng quy định.

- *Người làm chứng ông Bùi Văn L và ông Hoàng Văn Cương đều trình bày*: Các ông là những người sinh ra và lớn lên tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và có bố mẹ là công nhân Nông trường huyện Hữu Lũng. Nguồn gốc đất tranh chấp giữa các đương sự không phải là của Nông trường Hữu Lũng phân cho mà thời điểm đó đều là tự khai phá.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 217, 217, 224, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 674, 675, 676, 685 BLDS 2005; Điều 210, 213, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 660 BLDS 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu

cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị T4 để lại; thực hiện chia di sản bằng hiện vật, ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị T được hưởng phần di sản bằng nhau và ít hơn phần di sản mà bà Vũ Thị Hồng M, Bà Vũ Thị T1 được hưởng. Ông Thanh được hưởng phần đất có cây mít và phải trả cho các đồng thừa kế khác mỗi người 1/5 giá trị. Ai được sử dụng diện tích đất nào có tài sản trên đất thì được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản này và có nghĩa vụ thanh toán cho bà Mão, bà Tuất; chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu chia di sản do cụ Vũ Văn T4 để lại, đình chỉ giải quyết đối với phần di sản của cụ Vũ Văn T4, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị Mão đã quản lý sử dụng phần di sản của cụ Vũ Văn T4. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với việc chia di sản là tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất và phần diện tích đất giao thông; về án phí áp dụng Điều 147 BLTTDS; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự được miễn án phí; về chi phí tố tụng, áp dụng Điều 157 BLTTDS, do yêu cầu khởi kiện chỉ được chấp nhận một phần nên nguyên đơn, bị đơn đều phải chịu chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị Hoàng Thị Quỳnh N1, anh Hoàng Mạnh T2, Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị M1, anh Đỗ Tuấn A, chị Trần Thị Nh, anh Phạm Trung K, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Những người vắng mặt này đều có mặt người đại diện hoặc có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân và hàng thừa kế: Các bên đương sự đều xác nhận: Cụ bà Trần Thị T4, sinh năm 1925 và cụ ông Vũ Văn T4, sinh năm 1905, kết hôn với nhau vào khoảng thời gian nào, có đăng ký kết hôn hay không con cái trong gia đình không nắm bắt được, vì không có tài liệu giấy tờ gì thể hiện. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp hai cụ không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau từ trước ngày 03/01/1987, nên được xem là hôn nhân thực tế. Cụ Vũ Văn T4 và cụ Trần Thị T4 có 05 người con chung gồm: Bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị M1, Bà Vũ Thị T1 và ông Vũ Văn Th, không có con nuôi, con riêng, không có người cụ Vũ Văn T4 và cụ Trần Thị T4 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ

luật Dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm: Bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị M1, Bà Vũ Thị T1 và ông Vũ Văn Th.

[4] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: Cụ Vũ Văn T4 chết năm 1972. Căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản..." và điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này". Theo hướng dẫn tại phần I văn bản giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ- TANDTC ngày 05-01-2018 của Toà án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện thừa kế đối với các trường hợp mở thừa kế trước ngày 10-9-1990 đều được bắt đầu tính từ ngày 10-9-1990, như vậy từ khi cụ Vũ Văn T4 chết đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện đã hơn 30 năm. Do đó, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn T4 đã hết thời hiệu yêu cầu chia di sản nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Cụ Trần Thị T4 chết năm 2008, nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế ngày 05/5/2022. Vì vậy yêu cầu chia thừa kế di sản là có căn cứ, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Vũ Văn Th đã rút yêu cầu chia di sản thừa kế là ngôi nhà gạch 03 gian, 01 trái bằng gạch bê tông do cụ Trần Thị T4 xây dựng năm 1984; diện tích đất 25,9m^2 (gồm hai phần diện tích là 19,3m^2 và 6,2m^2) thuộc đất giao thông tại thửa đất số 9A, tờ bản đồ số 53, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quyền của đương sự, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[6] Về nguồn gốc di sản thừa kế: Đối với các thửa đất số 63, tờ bản đồ số 53, diện tích đất 2242,4m^2 (theo đo đạc thực tế là 2234,2m^2) đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị Hồng M, số sổ DC 399375, số vào sổ cấp GCN: CS-00847, cấp ngày 28/12/2021 (trước đây là thửa đất số 3A, tờ bản đồ số 53, diện tích đất 2288m^2, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên là bà Vũ Thị Mão, cấp ngày 10/5/1999); thửa đất số số 64, tờ bản đồ số 53, diện tích đất 407m^2 (theo đo đạc thực tế là 398,9m^2) đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đỗ Tuấn A, bà Trần Thị Nh, số sổ DC 218441, số vào sổ cấp GCN: CS-00879, cấp ngày 17/01/2022 và thửa đất số số 65, tờ bản đồ số 53, diện tích đất 1131,1m^2 (theo đo đạc thực tế là 1.139,6m^2) đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Xuân H, số sổ DC 399376, số vào sổ cấp GCN: CS-00848, cấp ngày 28/12/2021 (thửa đất số 64 và 65 trước đây là thửa đất số 03, tờ bản đồ số 53, diện tích đất 1897m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên là ông Hoàng Xuân H, cấp ngày 10/5/1999. Sau đó được cấp đổi thành thửa đất số 62, tờ bản đồ số 53, diện tích đất 1538,1m^2 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Xuân H, số sổ DC 399376, số vào sổ cấp GCN: CS-00848, cấp ngày 28/12/2021). Trên thửa đất 65 thì bà Vũ Thị T, ông Hoàng Xuân H quản lý sử dụng diện tích là 828m^2 và bà Vũ Thị Hồng M quản lý sử dụng diện tích là 311,6m^2. Nguyên đơn

ông Vũ Văn Th cho rằng nguồn gốc các thửa đất nêu trên là của bố mẹ để lại; quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vũ Thị Hồng M cho rằng nguồn gốc đất ông Thanh yêu cầu chia thừa kế là do Nông trường Hữu Lũng phân cho cụ T5 và cụ T4; bà Vũ Thị T, ông Hoàng Xuân H cho rằng nguồn gốc đất là do Nông trường Hữu Lũng phân cho cụ T5, khi cụ T4 chết không để lại tài sản gì có giá trị; bà Vũ Thị M1 cũng cho rằng khi bố mẹ chết không để lại di sản hay đất đai gì. Tại phiên tòa các bị đơn bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, ông Hoàng Xuân H lại cho rằng nguồn gốc đất là của Nông trường Hữu Lũng cho bố mẹ ở nhờ, bố mẹ ông bà khi chết đều không đi lại di sản gì có giá trị. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai bà Vũ Thị Hồng M (bút lục số 194) và Bà Vũ Thị T1 (bút lục số 211), cùng ngày 11/7/2022, bà Tuất, bà Mão đều khẳng định: "Trong quá trình quản lý sử dụng đất, do nông trường cũng không quản lý chặt chẽ nên bố mẹ tôi có khai phá thêm đất xung quanh nên sau này diện tích đất bố mẹ tôi ở và canh tác có tổng diện tích khoảng 4000m^2". Tại biên bản lấy lời khai bà Vũ Thị M1, ngày 12/7/2022 (bút lục số 213) bà Mùi cũng thừa nhận nội dung này nhưng bà không biết diện tích cụ thể bố mẹ khai phá là bao nhiêu. Tại Công văn số 986/UBND-THNC, ngày 19/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cho biết: "Thời điểm khoảng năm 1970-1972 không có thông tin tài liệu liên quan đến chủ sử dụng đất đứng tên các thửa đất 03, 03A, tờ bản đồ 53 (đo vẽ năm 1996), địa chỉ đất tại thôn N, xã H, huyện H tỉnh Lạng Sơn"; văn bản số 1037/UBND/TNMT, ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: "…hồ sơ địa chính lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng không có tài liệu nào thể hiện thời điểm năm 1972 Nông trường Hữu Lũng quản lý, sử dụng các thửa đất 03, 03A, 23, tờ bản đồ số 53 (bản đồ đo vẽ năm 1996) tại thôn Na Hoa, xã Hồ Sơn" và công văn số 62/UBND, ngày 06/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H thể hiện: "…hầu hết các thửa đất của Nông trường ở thời điểm đó đều do công nhân Nông trường tự khai phá trước khi có luật đất đai… Qua tìm hiểu thì gia đình cụ Trần Thị T4 (chồng là Vũ Văn T4) trực tiếp canh tác thửa đất từ năm 1963". Như vậy, cụ Trần Thị T4 và cụ Vũ Văn T4 tuy chưa từng được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các đương sự đều thừa nhận từ năm 1963 cụ Vũ Văn T4 và cụ Trần Thị T4 đã sinh sống trên các thửa đất này, sau khi hai cụ chết thì các con vẫn tiếp tục sinh sống ổn định, không có tranh chấp với ai. Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở xác định các thửa đất số 63, 65 và 64 có nguồn gốc là tài sản chung của cụ Vũ Văn T4 và cụ Trần Thị T4 tạo lập, khai phá, quản lý sử dụng từ năm 1963, chưa phân chia thừa kế.

[7] Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Xuân H và bà Vũ Thị Hồng M cùng năm 1999, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, ông Hoàng Xuân H đều cho rằng diện tích đất ông Huỳnh, bà Mão được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 là do năm cụ Trần Thị T4 tự đi kê khai, ông, bà không được làm bất kỳ thủ tục nào liên quan đến việc đăng ký đất. Tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Hoàng Xuân H, phần nguồn gốc sử dụng có ghi "thừa kế", của bà Vũ Thị Hồng M có ghi "NT phân cho". Tuy nhiên, bà Vũ Thị Hồng M thừa nhận là giáo viên, không phải công nhân Nông trường nên không

thuộc đối tượng được phân đất, bà cũng thừa nhận diện tích đất này là Nông trường Hữu Lũng phân cho Bà Vũ Thị T1 nhưng do Bà Vũ Thị T1 không được khôn ngoan, văn hóa kém nên cụ Trần Thị T4 đã đi kê khai để bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Mão và bà Tuất đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện Nông Trường Hữu Lũng giao đất cho Bà Vũ Thị T1; ông Hoàng Xuân H là con rể cụ Trần Thị T4 cũng thừa nhận trước khi cụ T5 đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có họp gia đình hay có văn bản nào khác về việc chia thừa kế cho ông Hoàng Xuân H. Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cho rằng: Trong khoảng thời gian từ năm 1995 đến 1998 một số hộ dân trên địa bàn xã Hồ Sơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ giải thửa, đến cuối năm 1998 thì các hộ dân này được cấp đổi đồng loạt Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính chính quy, trong đó có hộ ông Hoàng Xuân H và hộ bà Vũ Thị Hồng M. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại Phòng Tài nguyên môi trường huyện Hữu Lũng thì năm 1999, Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng có ban hành Quyết định về việc thu hồi và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Tờ trình ngày 15/4/1999 của Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn. Quyết định số 197/QĐ-UB là bản nháp nên không đề ngày, tháng, không có chữ ký và dấu của Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng. Do quá trình lưu trữ trải qua nhiều giai đoạn, thất lạc hồ sơ nên hiện nay Hồ sơ địa chính lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng không có Quyết định về việc thu hồi và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Tờ trình ngày 15/4/1999 của Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn và hiện không có tài liệu khác khẳng định việc thu hồi và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm đó. Mặt khác các bị đơn đều trình bày năm 1999 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tiên. Như vậy không có căn cứ để khẳng định trước năm 1999 ông Hoàng Xuân H và bà Vũ Thị Hồng M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có căn cứ cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Xuân H và bà Vũ Thị Hồng M cùng năm 1999 là không đúng đối tượng, không đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[8] Phía bị đơn bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, ông Hoàng Xuân H trình bày, năm 1984 ông Vũ Văn Th đã được cụ Trần Thị T4 chia cho 01 mảnh đất. Trước khi ông Thanh chuyển lên thị xã Lạng Sơn (nay là thành phố Lạng Sơn) công tác thì cụ Trần Thị T4 đã động viên vợ chồng bà Vũ Thị T bán mảnh đất đang ở để mua lại tài sản của ông Vũ Văn Th và để sống gần mẹ là cụ T5 và chị em nên bà Vũ Thị T đã đưa cho cụ Trần Thị T4 số tiền 4.200.000 đồng để cụ đưa cho ông Vũ Văn Th. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày này thì các ông, bà không cũng cấp được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh sự việc này. Mặt khác, bà Thìn thừa nhận khi đưa tiền cho cụ T5 chỉ có mặt hai người, không có mặt ai khác. Đồng thời bà Thìn, bà Mão, ông Huỳnh đều không được trực tiếp chứng kiến việc cụ T5 đưa tiền và đưa cụ thể bao nhiêu tiền cho ông Thanh mà chỉ nghe cụ T5 kể lại. Bà Vũ Thị T thừa nhận việc mua bán tài sản của ông Thanh bà đều thực hiện với cụ Trần Thị T4, không hề trao đổi mua bán gì với ông Thanh nên không có căn cứ chứng minh ông Vũ Văn Th đã được cụ Trần Thị T4 chia một phần di sản.

[9] Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn: Theo phân tích tại đoạn [4] của bản án, xác định định di sản thừa kế của cụ Vũ Văn T4 đã hết thời hiệu yêu cầu chia di sản. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của các bị đơn bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, ông Hoàng Xuân H. Các thửa đất số 63, 65 và 64 là tài sản chung của vợ chồng cụ Vũ Văn T4 và cụ Trần Thị T4. Sau khi cụ T4 chết thì không có bản án hay quyết định nào của Tòa án phân chia tài sản của hai cụ, theo quy dịnh tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959: Vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới. Tuy nhiên, để xác định phần tài sản của cụ Vũ Văn T4 trong khối tài sản chung của vợ chồng cần xem xét toàn diện công sức đóng góp, tạo lập tài sản, quá trình quản lý, sử dụng, tôn tạo giữ gìn tài sản của hai vợ chồng. Xét thấy, cụ Trần Thị T4 và cụ Vũ Văn T4 là người có công tạo lập tài sản, canh tác, quản lý sử dụng các thửa đất này. Sau khi cụ Vũ Văn T4 chết (năm 1972) cụ Trần Thị T4 vẫn tiếp tục quản lý, giữ gìn tài sản đến năm 2008. Do đó, nếu xác định cụ Vũ Văn T4 có ½ quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này là ảnh hưởng đến quyền lợi của cụ Trần Thị T4. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào thời gian sinh sống, quản lý, canh tác trên đất mà xác định phần di sản của cụ Vũ Văn T4 và cụ Trần Thị T4. Diện tích các thửa đất số 63, 65 và 64 theo đo đạc thực tế là 3746,8m^2 (đã trừ diện tích đất thuộc đường đi là 25,9m^2). Như vậy, xác định cụ Vũ Văn T4 được quyền sử dụng 1/3 khối tài sản chung, tương ứng với diện tích đất là 1248,9m^2 và cụ Trần Thị T4 được quyền sử dụng là 2/3 khối tài sản chung, tương ứng với diện tích đất là 2497,8m^2. Để đảm bảo sự ổn định cho các đương sự, giá trị các công trình không bị ảnh hưởng và quyền, lợi ích của người liên quan cần xác định phần di sản của cụ Vũ Văn T4 đã hết thời hiệu yêu cầu chia di sản gồm: Diện tích đất 398,9 m^2 (hiện là thửa đất số số 64) là phần đất do ông Hoàng Xuân H, bà Vũ Thị T quản lý sử dụng, nhưng năm 2022 đã chuyển nhượng anh Đỗ Tuấn A và chị Trần Thị Nh; diện tích đất 828m^2 là một phần thửa đất số số 65, hiện do vợ chồng ông Hoàng Xuân H, bà Vũ Thị T quản lý sử dụng. Hai phần đất này đều đã xác định ranh giới bằng tường xây cay và 22m^2 (diện tích thực tế là 22,5m^2, phần diện tích tăng 0,5m^2 là do làm tròn số khi phân chia đất cho các đồng thừa kế), trong đó có 17,1m^2 thuộc thửa đất số 63 và 5,4m^2 thuộc thửa số 65, hiện do bà Vũ Thị Hồng M đang quản lý sử dụng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự thì di sản của cụ Vũ Văn T4 thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó là bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị Hồng M.

[9] Về công sức trông coi, quản lý, duy trì của bà Vũ Thị Hồng M, Bà Vũ Thị T1 đối với phần đất 2497,8m^2 là di sản thừa kế của cụ Trần Thị T4, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Vũ Thị Hồng M và Bà Vũ Thị T1 là người trực tiếp chăm sóc cụ Trần Thị T4 khi đau ốm và cũng là người có công sức trông coi quản lý, làm tăng giá trị sử dụng phần đất là di sản thừa kế của cụ Trần Thị T4 từ năm 2008 đến nay. Nay chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản cụ Trần Thị T4 để lại thì cần phải trích một phần từ di sản thừa kế của cụ Trần Thị T4 để thanh toán, đền bù công sức cho bà Vũ Thị Hồng M, Bà Vũ Thị T1 được hưởng tương đương một kỷ phần thừa kế là 2497,8m^2 đất/6 kỷ phần, tương đương với diện tích đất là 416,3m^2, Bà Vũ Thị T1 và bà Vũ Thị Hồng M mỗi người được hưởng 208,1m^2, sau khi trích

trả đền bù công sức, còn lại diện tích là 2081,4m^2 sẽ được xem xét chia thừa kế theo pháp luật. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Căn cứ vào tình trạng sử dụng hiện tại đối với di sản cũng như trên cơ sở xem xét điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của các đồng thừa kế, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất là di sản thừa kế của cụ Trần Thị T4 để lại là diện tích đất 2497,8m^2, trong đó có 2191,6m^2 thuộc thửa đất số 63 và diện tích 306,2m^2 thửa đất số 65 đều thuộc tờ bản đồ số 53. Hiện do bà Vũ Thị Hồng M quản lý, sử dụng, xây dựng công trình vật kiến trúc, tường bao ngăn cách và vợ chồng chị Hoàng Thị Mai L cũng đã xây dựng nhà ở và công trình phụ trên đất vào năm 2021. Qua xem xét, thẩm định thực tế thì việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho các đồng thừa kế vẫn đảm bảo giá trị, tính năng sử dụng của các công trình đã xây dựng trên đất. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 111 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử sẽ phân chia di sản bằng hiện vật sẽ đảm bảo công bằng về mặt quyền lợi cho các đồng thừa kế, cụ thể bà Vũ Thị Hồng M sẽ được hưởng phần đất có công trình vật kiến trúc do bà và vợ chồng chị Hoàng Thị Mai L xây dựng, còn các đồng thừa kế khác sẽ được hưởng phần đất chưa có công trình nhà ở. Ai được hưởng phần đất có tài sản của bà Mão, bà Tuất thì có trách nhiệm trả giá trị tài sản trên đất cho hai bà. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn về việc hưởng phần di sản là phần đất trống có cây mít do cụ Trần Thị T4 trồng là có căn cứ cần được chấp nhận. Chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị T4 cho 05 người là ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị M1, Bà Vũ Thị T1. Bà Vũ Thị T, ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị M1 mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 416,28m^2, bà Vũ Thị Hồng M, Bà Vũ Thị T1 mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 416,27m^2 + phần công sức bảo quản giữ gìn đất là 208,1m^2, tổng bà Vũ Thị Hồng M và Bà Vũ Thị T1 mỗi người được chia là 624,3m^2, cụ thể:

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho ông Vũ Văn Th là diện tích đất 416,2m^2, trong đó có 50m^2 là chỉ giới hành lang an toàn giao thông, thuộc thửa đất số 63, trên đất có 04 cây mít, trị giá 1.149.000 đồng/cây; 02 cây bưởi, trị giá 768.000 đồng/cây; 01 cây bơ, trị giá 567.000 đồng; 02 cây trứng gà, trị giá 636.000 đồng/cây; 01 chuồng lợn có diện tích 12m^2, trị giá 791.000 đồng; 01 chuồng lợn có diện tích 6m^2, trị giá 1.583.000 đồng; 01 chuồng ngan trị giá 9.966.000 đồng; 02 trụ cổng trị giá 1.461.000 đồng; 04 cánh cổng sắt trị giá 14.051.000 đồng; 01 cổng mái lợp tôn trị giá 3.603.000 đồng, các tài sản trên đất là của bà Vũ Thị Hồng M; 02 cây xưa trị giá 254.000 đồng/cây của Bà Vũ Thị T1. Ông Thanh có trách nhiệm trả giá trị tài sản trên đất cho bà Vũ Thị Hồng M và Bà Vũ Thị T1 và 01 cây mít, trị giá 1.149.000 đồng của cụ Trần Thị T4, ông Thanh có trách nhiệm trả giá trị phần vượt quá kỷ phần được hưởng cho bà Mão, bà Tuất, bà Mùi, bà Thìn mỗi người là 230.000 đồng (làm tròn số).

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho cho bà Vũ Thị Hồng M là diện tích đất 624,3m^2, cụ thể: Diện tích đất 334,2m^2, trong đó có 49,7m^2 là chỉ giới hành lang và diện tích đất 234,5m^2, trong đó có 64,8m^2 là chỉ giới hành lang an toàn giao thông, cùng thuộc thửa đất số 63; diện tích đất 55,6m^2, trong đó có 11m^2 là chỉ giới hàng lang an toàn giao thông, thuộc thửa đất số 65, cùng tờ bản đồ 53. Trên đất có công

trình vật kiến trúc là 01 nhà ở 2 tầng xây năm 2010; 01 sân lát gạch nung đỏ có mái lợp khung tôn xốp chống nóng; 01 nhà bếp; tường bao phía trước nhà; cây trồng trên đất là 01 cây me trị, 01 cây đào, 01 cây định hương, 01 cây mít đồng của bà Mão; 03 cây xưa trị giá 254.000 đồng/cây của Bà Vũ Thị T1. Ngoài ra, bà Mão còn được hưởng diện tích đất 22,5m^2 (trong đó có 17,1m^2 thuộc thửa đất số 63 và 5,4m^2 thuộc thửa đất số 05) là di sản của cụ Vũ Văn T4, trên đất có 01 hố ga của bà Mão. Bà Mão có trách nhiệm trả giá trị cây xưa cho Bà Vũ Thị T1. Đối với phần tài sản của chị Hoàng Thị Mai L, anh Phạm Trung K trên phần đất của bà Vũ Thị Hồng M được hưởng gồm 01 nhà ở 2 tầng xây năm 2021; 01 sân lát gạch ceramic; 01 bàn kệ bếp; 01 bể bơi; 02 trụ cổng; tường rào quanh nhà; 02 cánh cổng sắt; 01 cổng lợp mái ngói, chị Ly và anh Kiên không có yêu cầu gì, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp liên quan đến tài sản của vợ chồng chị Ly thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho Bà Vũ Thị T1 là diện tích đất 624,3m^2, trong đó có 422m^2 thuộc thửa đất số 63 và 202,3m^2 thuộc thửa đất số 65, trên đất có 02 cây đinh hương, trị giá 254.000 đồng/cây; 01 cây ổi, trị giá 122.000 đồng; 04 cây mít, trị giá 1.149.000 đồng/cây; 06 cây chuối, trị giá 162.000 đồng; 01 cây mác mật, trị giá 203.000 đồng; 01 cây cau trị giá 120.000 đồng, 01 cây nhãn trị giá 1.162.000 đồng của bà Vũ Thị Hồng M; 01 cây xưa của Bà Vũ Thị T1. Bà Vũ Thị T1 có trách nhiệm trả giá trị tài sản trên đất cho bà Vũ Thị Hồng M.

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Vũ Thị M1 là diện tích đất 416,2m^2, trong đó có 379,9 m^2 thuộc thửa đất số 63 và 36,3m^2 thuộc thửa đất số 65, trên đất có 10 cây mít, trị giá 1.149.000 đồng/cây của bà Vũ Thị Hồng M và 04 cây xưa, trị giá 254.000 đồng/cây của Bà Vũ Thị T1. Bà Vũ Thị M1 có trách nhiệm trả giá trị tài sản trên đất cho bà Vũ Thị Hồng M và Bà Vũ Thị T1.

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Vũ Thị T là diện tích đất 416,2m^2, trong đó có 404,2m^2 thuộc thửa đất số 63 và 12m^2 thuộc thửa đất số 65, trên đất có 01 cây nhót, trị giá 122.000 đồng, 01 cây bưởi trị giá 768.000 đồng của bà Vũ Thị Hồng M. Bà Vũ Thị T có trách nhiệm trả giá trị tài sản trên đất cho bà Vũ Thị Hồng M. Ngoài ra, bà Vũ Thị T còn được hưởng phần diện tích đất 828m^2 thuộc thửa đất số 65 là di sản của cụ Vũ Văn T4. Đối với toàn bộ tài sản trên diện tích đất 828m^2 là của vợ chồng ông Hoàng Xuân H, bà Vũ Thị T xây dựng, gồm: 01 nhà chính, 01 nhà bếp xây gạch bê tông, 01 sân lát gạch ceramic phía trên có lợp mái khung tôn xốp chông nóng, 01 nhà vệ sinh và nhà tắm, tường bao xây cay cạnh nhà tắm, 02 trụ cổng, 02 cánh cổng sắt, 01 cổng mái lợp tôn múi, tường rao xây gạch cay bê tông xây bao phía sau nhà; 47 cây ăn quả, cây lấy gỗ các loại. Do ông Hoàng Xuân H và bà Vũ Thị T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đỗ Tuấn A, bà Trần Thị Nh, số sổ DC 218441, số vào sổ cấp GCN: CS-00879, cấp ngày 17/01/2022 và toàn bộ tài sản trên đất. Do xác định thửa đất này thuộc di sản của cụ Vũ Văn T4 đã hết thời hiệu yêu cầu chia di sản nên thuộc về người thừa kế

đang quản lý di sản là bà Vũ Thị T, vì vậy việc mua bán, chuyển nhượng đất là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Mặt khác, ông Đỗ Tuấn A, bà Trần Thị Nh không có yêu cầu độc nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 53 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp cho bà Vũ Thị Hồng M vào năm 1999. Do các đương sự đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Đối với yêu cầu về mai táng phí, nghĩa vụ tài chính của cụ Trần Thị T4 và cụ Vũ Văn T4: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[14] Đối với phần tường rào xây gạch cay bê tông nằm trên phần đất Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị T được hưởng, bà Vũ Thị Hồng M không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên không xem xét giải quyết.

[15] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Văn Th là người nộp chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với tổng số tiền 16.491.000 đồng. Căn cứ Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Th được chấp nhận một phần nên ông Thanh phải chịu chi phí tố tụng đối với phần không được chấp nhận là 5.497.000 đồng và các đương sự được hưởng tài sản phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà mình được chia, cụ thể: Ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị T mỗi người chịu là 1.832.000 đồng (làm tròn số); Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị Hồng M mỗi người phải chịu là 2.748.000 đồng (làm tròn số). Tổng số tiền ông Vũ Văn Th phải chịu là 7.329.000 đồng. Ông Vũ Văn Th đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng nên bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị T mỗi người có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Vũ Văn Th số tiền là 1.832.000 đồng; Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị Hồng M mỗi người có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Vũ Văn Th số tiền 2.748.000 đồng.

[16] Về nghĩa vụ chịu án phí: Ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, ông Hoàng Xuân H, Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị M1 được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 217, Điều 224, Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 111, Điều 213, Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 614,

Điều 618, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, điểm d Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 106, Điều 166, Điều 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; Mục 10 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế; Điều 12, Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn Th về việc chia thừa kế.

1.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Thị T4 để lại là diện tích 2191,6m^2 thuộc thửa đất số 63, và diện tích 306,2m^2 thuộc thửa 65, cùng tờ bản đồ số 53, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Chia di sản thừa kế cho ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị M1, cụ thể:

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho ông Vũ Văn Th là diện tích đất 416,2m^2 *(ký hiệu thửa tạm 63.1, vị trí đỉnh thửa: M10, P6, M8, M7, M16, M13, M12, P5, M11)* trong đó có 50m^2 là chỉ giới hành lang an toàn giao thông, đất tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị Hồng M, số sổ DC 399375, số vào sổ cấp GCN: CS-00847, cấp ngày 28/12/2021 và 01 cây mít. Ông Vũ Văn Th được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, gồm: 11 cây ăn quả, cây lấy gỗ các loại; 02 chuồng lợn; 01 chuồng ngan; 02 trụ cổng; 04 cánh cổng sắt; 01 cổng mái lợp tôn.

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Vũ Thị Hồng M là diện tích đất 624,3m^2, đất tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể: Diện tích đất 334,2m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 63.3, vị trí đỉnh thửa: A4, B7, M9, M8, P6, M10)* trong đó có 49,7m^2 là chỉ giới hành lang an toàn giao thông và diện tích đất 234,5m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 63.2, vị trí đỉnh thửa: M11, P5, M12, N5, P4, A3)* trong đó có 64,8m^2 là chỉ giới hành lang an toàn giao thông cùng thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị Hồng M, số sổ DC 399375, số vào sổ cấp GCN: CS-00847, cấp ngày 28/12/2021; diện tích đất 55,6m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 65.1, vị trí đỉnh thửa là A3, P4, N5, M15, P3, B5)* trong đó có 11m^2 là chỉ giới hàng lang an toàn giao thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Xuân H, số sổ DC 399376, số vào sổ cấp GCN: CS-00848, cấp ngày 28/12/2021. Bà Vũ Thị Hồng M được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 nhà ở 2 tầng xây của bà Mão năm 2010; 01 sân lát gạch nung đỏ có mái lợp khung tôn xốp chống nóng; 01 bếp; tường bao phía trước nhà; 07 cây ăn quả và cây lấy gỗ các loại.

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho Bà Vũ Thị T1 là diện tích đất 624,3m^2, đất tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, gồm: Diện tích 422m^2 thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị Hồng M, số sổ DC 399375, số vào sổ cấp GCN: CS-00847, cấp ngày 28/12/2021, trong đó có diện tích 390,3m^2 (*ký hiệu thửa tạm: 63.4, vị trí đỉnh thửa: M9, A5, M4, N2, N3, M7, M8)* và diện tích 31,7m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 63.5, vị trí đỉnh thửa: M7, N3, M16, N4);* diện tích 202,3m^2 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Xuân H, số sổ DC 399376, số vào sổ cấp GCN: CS-00848, cấp ngày 28/12/2021, trong đó có diện tích 25,9m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 65.2, vị trí đỉnh thửa: N2, N3, M5, M6)*; diện tích 176,4m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 65.3, vị trí đỉnh thửa: N4, N3, M6, M5, M2, M1, A10, M14)*. Bà Vũ Thị T1 được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, gồm: 17 cây ăn quả và cây lấy gỗ các loại.

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Vũ Thị M1 được là diện tích đất 416,26m^2 đất tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, trong đó có: Diện tích 379,9m^2 (*ký hiệu thửa tạm: 63.6, vị trí đỉnh thửa: M3, N1, N2, M4)* thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị Hồng M, số sổ DC 399375, số vào sổ cấp GCN: CS-00847, cấp ngày 28/12/2021 và diện tích 36,3m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 65.4, vị trí đỉnh thửa: N1, M2, M5, N2)* thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Xuân H, số sổ DC 399376, số vào sổ cấp GCN: CS-00848, cấp ngày 28/12/2021. Bà Vũ Thị M1 được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gồm 14 cây ăn quả và cây lấy gỗ các loại.

- Chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Vũ Thị T là diện tích đất 416,2m^2, đất tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, trong đó có 404,2m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 63.7, vị trí đỉnh thửa: M3, A6, B8, B9, A8, A9, N1)* thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị Hồng M, số sổ DC 399375, số vào sổ cấp GCN: CS-00847, cấp ngày 28/12/2021 và 12m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 65.5, vị trí đỉnh thửa: A9, M1, M2, N1)* thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Xuân H, số sổ DC 399376, số vào sổ cấp GCN: CS-00848, cấp ngày 28/12/2021. Bà Vũ Thị T được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gồm 02 cây ăn quả các loại.

2. Bà Vũ Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 828m^2 *(ký hiệu thửa tạm: 65.7, vị trí đỉnh thửa: A1, A2, B5, M14, A10)* trong đó có 111,7m^2 là chỉ giới hành lang an toàn giao thông, đất tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Xuân H, số sổ DC 399376, số vào sổ cấp GCN: CS-00848, cấp ngày 28/12/2021.

3. Bà Vũ Thị Hồng M được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 22,5m^2 đất tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, trong đó có 17,1m^2 *(ký hiệu thửa tạm là 63.8, vị trí đỉnh thửa là M13M N4, N5, M12)* thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị Hồng M, số sổ DC 399375, số vào sổ cấp GCN: CS-00847, cấp ngày 28/12/2021 và 5,4m^2 *(ký hiệu thửa tạm là 65.6, vị trí đỉnh thửa là N4, N5, M15, M14)* thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ 53 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Xuân H, số sổ DC 399376, số vào sổ cấp GCN: CS-00848, cấp ngày 28/12/2021 và toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 hố ga.

4. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm, thể hiện tại bản trích đo khu đất tranh chấp xã Hồ Sơn và phụ lục kèm theo Bản án.

5. Nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản.

- Buộc ông Vũ Thanh Thanh phải thanh toán cho bà Vũ Thị M1, Vũ Thị T mỗi người là 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng); thanh toán cho bà Vũ Thị Hồng M số tiền là 39.427.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi bẩy nghìn đồng); thanh toán cho Bà Vũ Thị T1 số tiền là 738.000 đồng (bẩy trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Buộc bà Vũ Thị Hồng M phải thanh toán cho Bà Vũ Thị T1 762.000 đồng (bẩy trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Buộc bà Vũ Thị T phải thanh toán cho bà Vũ Thị Hồng M số tiền là 890.000 đồng (tám trăm chín mươi nghìn đồng).

- Buộc Bà Vũ Thị T1 phải thanh toán cho bà Vũ Thị Hồng M số tiền 6.873.000 đồng (sáu triệu tám trăm bẩy mươi ba nghìn đồng).

- Buộc bà Vũ Thị M1 phải thanh toán cho bà Vũ Thị Hồng M số tiền 11.490.000 đồng (mười một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng); thanh toán cho Bà Vũ Thị T1 số tiền 1.016.000 đồng (một triệu không trăm mười sáu nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Vũ Văn Th về việc chia di sản thừa kế là ngôi nhà gạch 03 gian, 01 trái bằng gạch bê tông do cụ Trần Thị T4 xây dựng năm 1984; diện tích 25,9m^2 thuộc đất giao thông tại thửa đất số 9A, tờ bản đồ số 53, gồm hai phần: Diện tích đất 19,*3m*^{2} *(ký hiệu thửa tạm là 9A.1, vị trí đỉnh thửa là B9,B8, A7)* và diện tích 6,6m^2 *(ký hiệu thửa tạm là 9A.2, vị trí đỉnh thửa là B7,P7, A4)* .

7. Ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị M1, Bà Vũ Thị T1, ông Hoàng Xuân H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp.

8. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Văn Th phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.329.000 đồng, xác nhận ông Vũ Văn Th đã nộp đủ. Bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị T mỗi người có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Vũ Văn Th số tiền là 1.832.000 đồng; Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị Hồng M mỗi người có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Vũ Văn Th số tiền là 2.748.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Về án phí: Ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị Hồng M, bà Vũ Thị T, ông Hoàng Xuân H, Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị M1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

10. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thảo Nguyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Hoàng Anh **Hoàng Văn Thưởng** **Ngô Thảo Nguyên**